

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550001	BÙI VĂN AN	01/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
2	550002	ĐỖ HOÀNG AN	13/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550003	NGUYỄN THANH AN	02/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550004	PHẠM QUỐC AN	15/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550005	VŨ VIỆT AN	07/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550006	BÙI THỊ HẠ AN	18/05/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550007	NGUYỄN PHAN KHÁNH AN	31/05/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550008	BÙI VIỆT ANH	24/09/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
9	550009	ĐÀO TUẤN ANH	24/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550010	ĐẶNG NGỌC ANH	28/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550011	ĐINH NHẬT ANH	03/11/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
12	550012	ĐINH VIỆT ANH	18/01/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
13	550013	ĐỖ LAN ANH	17/02/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
14	550014	ĐỖ NGỌC ANH	21/08/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
15	550015	ĐỖ PHƯƠNG ANH	29/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550016	ĐỖ PHƯƠNG ANH	14/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550017	ĐỖ QUỲNH ANH	01/07/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
18	550018	ĐỖ VIỆT ANH	16/09/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
19	550019	HOÀNG MAI ANH	03/09/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
20	550020	LÊ DIỆU ANH	04/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550021	MAI VÂN ANH	12/01/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
22	550022	NGÔ TUẤN ANH	24/02/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550023	NGUYỄN ĐỨC ANH	09/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550024	NGUYỄN ĐỨC ANH	10/09/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550025	NGUYỄN LAN ANH	10/08/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
2	550026	NGUYỄN LAN ANH	18/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550027	NGUYỄN NGỌC ANH	20/11/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550028	NGUYỄN NHẬT ANH	27/09/2008	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
5	550029	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550030	NGUYỄN TÚ ANH	13/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550031	PHAN QUỲNH ANH	26/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550032	PHAN TUẤN ANH	03/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550033	PHẠM LAN ANH	16/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550034	PHẠM MINH ANH	14/12/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
11	550035	PHẠM PHÚC ANH	17/05/2008	Trung tâm GDNV-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
12	550036	PHẠM TUẤN ANH	03/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550037	PHẠM VIỆT ANH	16/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550038	TRẦN TUẤN ANH	11/01/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
15	550039	TRỊNH NGỌC ANH	02/04/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550040	TRỊNH THÁI ANH	23/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550041	VŨ ĐỨC ANH	12/06/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
18	550042	VŨ NGỌC ANH	08/09/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
19	550043	VŨ QUỲNH ANH	22/05/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
20	550044	VŨ TUẤN ANH	22/05/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
21	550045	VŨ TUẤN ANH	19/11/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
22	550046	TRẦN NGỌC BẢO ANH	07/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
23	550047	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	06/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
24	550048	BÙI ĐỨC HIẾU ANH	23/07/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550049	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG ANH	13/01/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550050	HOÀNG THỊ HỒNG ANH	31/05/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
3	550051	NGUYỄN THỊ KIM ANH	27/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550052	NGUYỄN THỊ LAN ANH	13/03/2008	Trường THCS Lộc Vượng	Tiếng Anh	
5	550053	PHẠM THỊ MAI ANH	01/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
6	550054	ĐOÀN HOÀNG MINH ANH	01/10/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
7	550055	VŨ THỊ MINH ANH	30/05/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
8	550056	ĐỖ THỊ NGỌC ANH	12/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550057	PHẠM TRẦN NGỌC ANH	02/10/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
10	550058	VŨ PHẠM PHƯƠNG ANH	10/10/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550059	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	19/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550060	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	26/04/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
13	550061	NGUYỄN TRỊNH THÙY ANH	19/01/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
14	550062	PHẠM CÔNG TUẤN ANH	18/01/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
15	550063	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	08/03/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
16	550064	BÙI VIỆT ÁNH	15/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
17	550065	NGUYỄN NGỌC ÁNH	12/02/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
18	550066	NGUYỄN NGỌC ÁNH	25/07/2008	Trường THCS Xuân Thùỵ	Tiếng Anh	
19	550067	NGUYỄN THỊ ÁNH	22/12/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550068	TRẦN NGỌC ÁNH	18/05/2008	Trường THCS Lộc Vượng	Tiếng Anh	
21	550069	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	04/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550070	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	20/09/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
23	550071	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC ÁNH	09/08/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550072	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550073	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/02/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
2	550074	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	19/09/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
3	550075	TRỊNH NGỌC ẮN	06/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550076	PHẠM VĂN BÁCH	21/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
5	550077	TRỊNH XUÂN BÁCH	04/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550078	ĐỒNG XUÂN BẢO	07/09/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
7	550079	LƯU MAI GIA BẢO	24/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550080	VŨ XUÂN BẮC	19/07/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
9	550081	BÙI HỮU BẰNG	31/01/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
10	550082	MAI ĐỨC BIÊN	12/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550083	ĐỖ NHƯ BÌNH	27/06/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
12	550084	NGÔ GIA BÌNH	22/07/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
13	550085	NGUYỄN THANH BÌNH	15/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550086	NGUYỄN THANH BÌNH	25/10/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
15	550087	VŨ THANH BÌNH	17/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550088	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	07/03/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
17	550089	PHAN ĐÌNH CÁN	02/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550090	BÙI LINH CHI	01/09/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
19	550091	ĐINH KIM CHI	19/04/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
20	550092	ĐỖ KHÁNH CHI	09/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550093	LƯƠNG NHẬT CHI	08/07/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550094	NGUYỄN QUỲNH CHI	16/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550095	PHẠM KHÁNH CHI	26/07/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
24	550096	TRỊNH MAI CHI	21/01/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550097	ĐINH THÙY LINH CHI	17/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
2	550098	LÊ THỊ QUỲNH CHI	21/09/2008	Trường THCS Xuân Hòa	Tiếng Anh	
3	550099	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	05/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
4	550100	NGUYỄN NGỌC CHINH	26/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550101	NGUYỄN PHƯƠNG CHINH	02/11/2008	Trường THCS Hải Lộc	Tiếng Anh	
6	550102	VŨ TRƯỜNG CHINH	17/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550103	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	08/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550104	TRẦN CÔNG CHUẨN	31/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550105	ĐỖ NGỌC CHỦ	19/12/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
10	550106	LƯU CHÍ CÔNG	27/04/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
11	550107	NGUYỄN THÀNH CÔNG	23/02/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
12	550108	PHẠM THÀNH CÔNG	22/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550109	ĐỖ MINH CƯỜNG	27/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550110	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	03/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
15	550111	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	22/10/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
16	550112	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	09/07/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
17	550113	PHẠM MAI CƯỜNG	05/10/2008	Trường THCS Đức Thượng	Tiếng Anh	
18	550114	NGÔ ĐÌNH HOÀNG DIỆM	10/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
19	550115	PHẠM NGỌC DIỆP	18/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550116	TRỊNH PHƯƠNG DIỆP	05/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
21	550117	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	19/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550118	LƯƠNG THỊ NGỌC DIỆP	11/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550119	PHẠM THỊ NGỌC DIỆP	15/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
24	550120	HOÀNG THỊ DIỆU	03/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550121	PHẠM HUYỀN DIỆU	20/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550122	TRẦN THU DIỆU	19/11/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
3	550123	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	21/04/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
4	550124	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	22/04/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
5	550125	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	19/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550126	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	18/05/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550127	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	15/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550128	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	21/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550129	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	08/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550130	ĐINH THỊ XUÂN DIỆU	29/02/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550131	HOÀNG PHƯƠNG DIỄM	15/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550132	TRỊNH PHƯƠNG DIỄM	13/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550133	ĐẶNG THỊ DINH	02/11/2007	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550134	PHAN THỊ DINH	07/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550135	VŨ THỊ HỒNG DỊU	09/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550136	TRẦN ĐỨC DOANH	29/11/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
17	550137	PHẠM NHẬT DUẬT	23/08/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
18	550138	ĐẶNG THỦY DUNG	04/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550139	TRỊNH KIM DUNG	01/11/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
20	550140	PHẠM THỊ KIM DUNG	24/12/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
21	550141	ĐỖ ĐỨC DUY	20/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
22	550142	NGUYỄN ANH DUY	20/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550143	PHAN ANH DUY	10/07/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550144	PHẠM THÀNH DUY	23/02/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550145	TRẦN KHÁNH DUY	15/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550146	TRẦN KHÁNH DUY	19/06/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550147	ĐINH CÔNG KHÁNH DUY	13/08/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
4	550148	MAI THỊ DUYÊN	27/10/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
5	550149	MAI THỊ MỸ DUYÊN	21/01/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
6	550150	ĐOÀN MẠNH DŨNG	27/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
7	550151	NGUYỄN MẠNH DŨNG	30/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550152	NGUYỄN TRUNG DŨNG	21/11/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
9	550153	PHẠM TIẾN DŨNG	06/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550154	PHẠM TIẾN DŨNG	28/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550155	VŨ TUẤN DŨNG	29/03/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
12	550156	NGUYỄN LÊ VIỆT DŨNG	28/03/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
13	550157	BÙI THUY ĐƯƠNG	18/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550158	ĐỖ ĐỨC DƯƠNG	08/01/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550159	MAI THUY ĐƯƠNG	13/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
16	550160	NGUYỄN THỊ THUY ĐƯƠNG	11/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
17	550161	PHẠM LINH ĐAN	11/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550162	TRẦN THÀNH ĐẠI	03/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
19	550163	ĐINH TUẤN ĐẠT	20/09/2007	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550164	LƯƠNG TRUNG ĐẠT	07/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
21	550165	NGUYỄN NGỌC ĐẠT	16/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550166	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/12/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
23	550167	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	03/03/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550168	PHẠM VIỆT ĐẠT	05/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550169	VŨ THÀNH ĐẠT	01/07/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
2	550170	NGUYỄN A ĐẦU	22/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550171	MAI HẢI ĐĂNG	30/10/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
4	550172	NGÔ QUỐC ĐĂNG	20/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
5	550173	NGUYỄN HỮU ĐẮC	07/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550174	VŨ HỒNG ĐIỆP	14/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550175	ĐINH VĂN ĐOÀN	11/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550176	ĐỖ THỊ ĐÔNG	22/01/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
9	550177	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	30/08/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
10	550178	ĐẶNG ĐẠI ĐỒNG	09/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
11	550179	PHAN ANH ĐỨC	19/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550180	PHAN MINH ĐỨC	30/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550181	PHẠM HOÀNG ĐỨC	10/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550182	PHẠM TIẾN ĐỨC	18/01/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
15	550183	TRẦN MINH ĐỨC	09/12/2008	Trường THCS Xuân Trung	Tiếng Anh	
16	550184	TRỊNH NGỌC ĐỨC	01/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550185	VŨ HOÀNG ĐỨC	19/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550186	ĐINH TRƯỜNG GIANG	27/07/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550187	LƯƠNG HƯƠNG GIANG	01/09/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550188	PHẠM HƯƠNG GIANG	07/04/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
21	550189	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	13/12/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
22	550190	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	17/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550191	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	02/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
24	550192	BÙI PHƯƠNG HÀ	03/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550193	NGUYỄN HỒNG HÀ	17/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550194	NGUYỄN THU HÀ	20/05/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550195	NÔNG NGÂN HÀ	04/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550196	PHẠM THỊ HÀ	11/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550197	VŨ THỊ HÀ	28/05/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
6	550198	TRẦN THỊ HỒNG HÀ	22/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550199	MAI THỊ THU HÀ	23/05/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550200	VŨ THỊ HÀI	25/07/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
9	550201	TRẦN ĐỨC HÀO	30/09/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
10	550202	NGUYỄN THỊ HẠNH	29/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550203	NGUYỄN MINH HẢI	28/04/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
12	550204	ĐINH NGỌC HÂN	16/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550205	ĐỖ NGỌC HÂN	04/07/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
14	550206	MAI NGỌC HÂN	25/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550207	PHẠM THANH HẰNG	03/01/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
16	550208	VŨ DIỆU HẰNG	19/07/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
17	550209	VŨ KIM HẰNG	09/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550210	VŨ THÚY HẰNG	23/06/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
19	550211	PHẠM THỊ MINH HẰNG	04/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550212	ĐOÀN THỊ THÚY HẰNG	23/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550213	ĐẶNG NGỌC HIÊN	17/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550214	PHẠM NGỌC HIÊN	06/01/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
23	550215	ĐINH MINH HIẾU	24/12/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
24	550216	NGUYỄN TRUNG HIẾU	28/08/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550217	NGUYỄN TRUNG HIẾU	14/10/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
2	550218	VŨ MINH HIẾU	19/12/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
3	550219	TRẦN NGUYỄN MINH HIẾU	19/03/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550220	NGUYỄN NGỌC HIỀN	12/02/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550221	VŨ THANH HIỀN	08/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550222	ĐOÀN THỊ THU HIỀN	14/10/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550223	ĐẶNG QUANG HIỆP	14/12/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
8	550224	NGUYỄN THẾ HIỆP	01/12/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
9	550225	VŨ ĐỨC HIỀN	28/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550226	NGUYỄN QUỲNH HOA	22/11/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
11	550227	ĐINH THỊ NGỌC HOA	09/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550228	PHẠM ĐÀM HOÀI	20/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550229	PHẠM THỊ THANH HOÀI	28/04/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550230	PHẠM THỊ THANH HOÀI	21/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550231	TRỊNH NGỌC HOÀN	31/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
16	550232	NGUYỄN DUY HOÀNG	09/04/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
17	550233	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550234	PHAN HUY HOÀNG	24/10/2008	Trường THCS Dương Liễu	Tiếng Anh	
19	550235	PHAN VIỆT HOÀNG	04/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550236	PHẠM HỮU NAM HOÀNG	22/04/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550237	PHẠM XUÂN HÓA	07/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550238	NGUYỄN THÁI HỌC	23/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
23	550239	TRỊNH QUANG HỌC	20/11/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
24	550240	ĐẶNG THỊ HUỆ	24/01/2007	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550241	NGÔ THỊ HUỆ	30/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
2	550242	VŨ THỊ HỒNG HUỆ	14/07/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
3	550243	NGUYỄN PHƯƠNG HUỆ	20/10/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
4	550244	BÙI TRUNG HUY	30/08/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
5	550245	ĐỖ QUANG HUY	08/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550246	LÊ QUANG HUY	28/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550247	NGUYỄN QUANG HUY	08/06/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
8	550248	NGUYỄN TUẤN HUY	08/07/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
9	550249	PHAN QUANG HUY	14/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550250	PHẠM CÔNG HUY	04/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550251	BÙI NGỌC HUYỀN	31/08/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
12	550252	ĐÀO KHÁNH HUYỀN	06/05/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
13	550253	HOÀNG DIỆU HUYỀN	02/01/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
14	550254	NGÔ THỊ HUYỀN	21/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
15	550255	VŨ THANH HUYỀN	29/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
16	550256	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	04/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
17	550257	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	17/02/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
18	550258	ĐẶNG THẾ HÙNG	17/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550259	NGUYỄN MINH HÙNG	05/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550260	NGUYỄN XUÂN HÙNG	27/03/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550261	PHẠM ĐỨC HÙNG	13/12/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
22	550262	PHẠM ANH PHI HÙNG	23/06/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550263	NGUYỄN GIA HÙNG	11/11/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550264	NGUYỄN TUẤN HÙNG	21/10/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550265	NGUYỄN MAI HƯƠNG	11/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
2	550266	PHẠM MAI HƯƠNG	24/02/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
3	550267	PHẠM QUỐC HƯƠNG	26/06/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
4	550268	PHẠM THỊ HỒNG HƯƠNG	02/04/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
5	550269	VŨ THU HƯỜNG	19/07/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
6	550270	ĐOÀN NHẬT KHANG	19/01/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
7	550271	LŨNG MINH KHANG	17/09/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
8	550272	NGUYỄN TUẤN KHANG	09/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550273	PHAN TIẾN KHANG	23/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550274	ĐỖ BẢO KHANH	17/08/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
11	550275	VŨ TUẤN KHANH	27/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
12	550276	BÙI ĐỨC KHÁNH	06/08/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
13	550277	ĐẶNG DUY KHÁNH	08/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
14	550278	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	12/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
15	550279	ĐỖ DUY KHÁNH	30/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550280	NGUYỄN DUY KHÁNH	27/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550281	VŨ NGỌC KHÁNH	18/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550282	ĐINH PHẠM NGỌC KHÁNH	06/03/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550283	NGUYỄN XUÂN KHẢI	08/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550284	PHAN VĂN KHẢI	04/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550285	TRẦN QUANG KHẢI	09/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550286	TRẦN ĐĂNG KHOA	19/05/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
23	550287	PHẠM DANH KHÔI	13/07/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
24	550288	NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ	03/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550289	ĐINH TRUNG KIÊN	18/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550290	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550291	VŨ NGỌC KIÊN	25/11/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550292	VŨ TRUNG KIÊN	01/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550293	VŨ GIA KIẾT	22/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550294	PHẠM BẢO LAN	16/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550295	NGUYỄN MẠNH LÂM	06/11/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
8	550296	NGUYỄN VIỆT LÂM	03/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550297	VŨ THANH LÂM	26/06/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
10	550298	MAI ĐỨC LẬP	29/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550299	BÙI KHÁNH LINH	15/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550300	ĐỖ PHƯƠNG LINH	16/11/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
13	550301	ĐỖ THÙY LINH	19/01/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
14	550302	NGUYỄN KHÁNH LINH	06/07/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
15	550303	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	29/09/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
16	550304	NGUYỄN THÙY LINH	31/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550305	PHẠM HÀ LINH	22/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
18	550306	PHẠM HÀ LINH	14/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550307	PHẠM KHÁNH LINH	04/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550308	PHẠM KHÁNH LINH	03/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550309	PHẠM QUANG LINH	07/01/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
22	550310	TRẦN HÀ LINH	02/07/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550311	TRỊNH DIỆU LINH	28/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550312	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	12/07/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550313	VŨ THỊ HÀ LINH	19/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550314	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH LINH	16/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550315	PHẠM NGỌC KHÁNH LINH	11/08/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
4	550316	VŨ KIM NGỌC LINH	18/03/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
5	550317	ĐẶNG THỊ THUYỀN LINH	02/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550318	PHẠM THỊ BÍCH LOAN	04/02/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550319	ĐỖ THÀNH LONG	06/12/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
8	550320	LƯƠNG NHẬT LONG	14/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
9	550321	NGUYỄN BẢO LONG	09/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
10	550322	NGUYỄN HOÀNG LONG	04/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550323	PHẠM NHẬT LONG	28/03/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
12	550324	VŨ HẢI LONG	09/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550325	VŨ HOÀNG LONG	22/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550326	VŨ HOÀNG LONG	30/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550327	VŨ THÀNH LONG	15/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550328	PHẠM THANH LUÂN	13/03/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
17	550329	ĐỖ NGỌC LUẬN	13/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550330	ĐINH GIA LUYẾT	06/03/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550331	PHẠM QUANG LUYỆN	01/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550332	PHẠM NGỌC LƯƠNG	06/09/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550333	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	21/03/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
22	550334	ĐẶNG THỊ HIỀN LƯƠNG	28/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550335	PHẠM QUYỀN LỰC	31/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
24	550336	LÃ DIỆU LY	22/01/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550337	NGUYỄN KHÁNH LY	26/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550338	NGUYỄN PHƯƠNG LY	21/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550339	PHAN KHÁNH LY	13/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550340	BÙI THỊ CẨM LY	16/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550341	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY	11/10/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
6	550342	ĐÀO DUY MẠNH	08/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550343	PHẠM VĂN MẠNH	02/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
8	550344	PHẠM HOÀNG MECSI	26/04/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550345	ĐOÀN THANH MINH	11/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550346	ĐỖ DUY MINH	07/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550347	ĐỖ HOÀNG MINH	24/10/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
12	550348	NGUYỄN CÔNG MINH	02/11/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
13	550349	NGUYỄN THÁI MINH	01/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550350	PHẠM HẢI MINH	31/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
15	550351	TRẦN DIỆU MINH	17/08/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
16	550352	TRẦN TUẤN MINH	22/07/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
17	550353	VŨ NHẬT MINH	17/03/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550354	NGUYỄN PHẠM HOÀNG MINH	14/01/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
19	550355	BÙI TRÀ MY	02/05/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
20	550356	ĐINH THỊ MY	06/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550357	ĐOÀN HÀ MY	04/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
22	550358	NGÔ THỊ MY	02/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550359	NGUYỄN THẢO MY	30/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
24	550360	TRẦN HUYỀN MY	04/07/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550361	ĐÀO THỊ HÀ MY	21/06/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
2	550362	LÊ ĐẶNG HÀ MY	07/11/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
3	550363	NGÔ THỊ HƯƠNG MY	02/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
4	550364	VŨ ĐẶNG THẢO MY	27/11/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550365	HOÀNG THỊ TRÀ MY	21/11/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
6	550366	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	29/11/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
7	550367	BÙI TRUNG NAM	30/08/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550368	ĐẶNG VŨ NAM	09/04/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
9	550369	PHẠM THÀNH NAM	19/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550370	PHẠM THÀNH NAM	08/11/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
11	550371	NGUYỄN THỂ BẢO NAM	30/10/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
12	550372	LƯU QUỲNH NGA	17/05/2008	Trường THCS Xuân Trung	Tiếng Anh	
13	550373	NGUYỄN THUYẾT NGA	02/01/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
14	550374	NGUYỄN THÚY NGA	05/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550375	VŨ THANH NGA	31/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
16	550376	TRỊNH THỊ THANH NGA	07/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550377	ĐẶNG TUYẾT NGÂN	06/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550378	LƯƠNG PHƯƠNG NGÂN	02/03/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550379	NGUYỄN THỊ NGÂN	24/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550380	NGUYỄN THỊ NGÂN	21/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550381	MAI THỊ KIM NGÂN	20/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550382	MAI KIM NGỌC	29/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550383	PHẠM BÍCH NGỌC	09/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550384	VŨ HỒNG NGỌC	26/06/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550385	ĐỖ LÊ BẢO NGỌC	08/04/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
2	550386	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	13/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550387	NGHIÊM THƯỜNG HƯƠNG NGỌC	20/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
4	550388	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	10/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550389	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	18/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550390	PHẠM THỊ NHƯ NGỌC	20/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
7	550391	BÙI CÔNG NGUYỄN	05/10/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
8	550392	ĐINH NGỌC NGUYỄN	18/07/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
9	550393	ĐOÀN MINH NGUYỄN	01/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550394	PHẠM NGUYỄN	19/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550395	TỔNG VŨ THẢO NGUYỄN	15/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550396	NGUYỄN MINH NGUYỆT	17/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550397	PHẠM THỊ NHÀI	19/01/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
14	550398	TỔNG THỊ THUY NHÀI	23/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550399	PHẠM THANH NHÀN	05/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550400	ĐẶNG LONG NHẬT	06/04/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
17	550401	TỔNG MINH NHẬT	12/11/2007	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
18	550402	ĐẶNG YẾN NHI	30/01/2007	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550403	NGUYỄN THẢO NHI	06/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
20	550404	NGUYỄN YẾN NHI	07/02/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550405	NGUYỄN YẾN NHI	19/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550406	PHẠM QUỲNH NHI	28/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550407	PHẠM UYÊN NHI	09/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550408	TRẦN GIA NHI	05/03/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550409	TRẦN YẾN NHI	08/02/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
2	550410	TRỊNH PHƯƠNG NHI	08/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550411	VŨ XUÂN NHI	06/05/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
4	550412	VŨ PHAN NGUYỆT NHI	04/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550413	ĐINH THỊ TUYẾT NHI	23/08/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
6	550414	ĐỖ THỊ YẾN NHI	26/07/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
7	550415	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/07/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
8	550416	PHẠM NGỌC YẾN NHI	26/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550417	NGUYỄN HỒNG NHUNG	12/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550418	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	16/07/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550419	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	04/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550420	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	06/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550421	MAI HOÀNG NHƯ	09/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550422	TRỊNH QUỲNH NHƯ	17/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
15	550423	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	04/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550424	PHẠM THỊ TỎ NHƯ	28/03/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
17	550425	NGUYỄN HOÀNG NINH	25/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550426	PHAN HOÀNG NINH	10/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550427	NGUYỄN KIỀU OANH	03/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
20	550428	PHẠM THỊ PHƯƠNG OANH	23/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550429	LƯƠNG NGỌC PHÁT	20/04/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550430	PHẠM CÔNG PHÁT	19/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
23	550431	MAI MINH PHONG	14/03/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
24	550432	PHẠM HOÀNG PHONG	29/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550433	TỔNG ĐẶNG ĐẠI PHONG	12/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550434	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	20/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550435	ĐINH HỒNG PHÚC	26/06/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
4	550436	PHẠM MINH PHÚC	14/11/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
5	550437	ĐINH MINH PHƯƠNG	06/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550438	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	14/07/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
7	550439	NGUYỄN ÁNH PHƯƠNG	04/10/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
8	550440	NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG	01/11/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
9	550441	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/08/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
10	550442	NGUYỄN THU PHƯƠNG	06/08/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
11	550443	PHẠM LAN PHƯƠNG	28/08/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
12	550444	PHẠM THỊ PHƯƠNG	25/08/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
13	550445	PHẠM THỊ HÀ PHƯƠNG	18/07/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
14	550446	ĐỖ THỊ LAN PHƯƠNG	22/01/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
15	550447	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	13/02/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
16	550448	ĐẶNG THỊ THU PHƯƠNG	09/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550449	PHẠM THỊ PHƯƠNG	10/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550450	PHẠM ĐỨC QUANG	06/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
19	550451	ĐÀO MINH QUÂN	19/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550452	ĐẶNG MINH QUÂN	04/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550453	ĐẶNG MINH QUÂN	17/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550454	ĐỖ MINH QUÂN	02/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
23	550455	NGÔ ANH QUÂN	29/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
24	550456	NGUYỄN VĂN QUÂN	02/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550457	PHẠM MINH QUÂN	07/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550458	TRỊNH MẠNH QUÂN	04/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550459	VŨ ĐỨC QUÂN	28/04/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
4	550460	VŨ HOÀNG QUÂN	08/04/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
5	550461	NGUYỄN HOÀNG ANH QUÂN	24/11/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
6	550462	NGUYỄN ĐỖ MINH QUÂN	02/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550463	PHAN HẢI QUỐC	08/12/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550464	PHẠM ANH QUỐC	03/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550465	TRỊNH BẢO QUỐC	28/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550466	PHẠM LỆ QUYÊN	02/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
11	550467	VŨ THỊ QUYÊN	28/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
12	550468	NGUYỄN THỊ BẢO QUYÊN	28/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550469	TRẦN THỊ TÂM QUYÊN	15/02/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550470	PHẠM LƯƠNG NGỌC QUYÊN	04/12/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
15	550471	MAI THIÊN QUÝ	25/08/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
16	550472	PHẠM NGỌC QUÝ	16/10/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
17	550473	PHẠM NHƯ' QUỲNH	24/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550474	BÙI THỊ NHƯ' QUỲNH	07/05/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
19	550475	TRỊNH QUANG SANG	17/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550476	ĐỖ NGỌC SƠN	16/05/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550477	NGÔ NGỌC SƠN	21/06/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550478	HÀ TUẤN TÀI	26/08/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
23	550479	MAI NHẬT TÀI	12/02/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
24	550480	NGÔ ĐỨC TÀI	03/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550481	NGUYỄN TOÀN TÀI	19/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550482	ĐẶNG MINH TÂM	20/12/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550483	MAI THANH TÂM	20/07/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550484	NGUYỄN VĂN TÂM	05/04/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
5	550485	ĐINH THỊ THANH TÂM	10/01/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
6	550486	NGUYỄN LÂM TẤN	20/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550487	NGÔ LỆ THAO	06/02/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550488	ĐẶNG DUY THÀNH	14/11/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550489	ĐOÀN TIẾN THÀNH	28/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550490	NGUYỄN TIẾN THÀNH	05/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550491	NGUYỄN XUÂN THÀNH	17/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550492	VŨ ĐỨC THÀNH	29/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550493	BÙI PHƯƠNG THẢO	22/10/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
14	550494	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	08/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550495	ĐẶNG THU THẢO	18/05/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
16	550496	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	17/10/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
17	550497	PHẠM THANH THẢO	10/12/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
18	550498	PHẠM TRÚC THẢO	03/02/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
19	550499	VŨ PHƯƠNG THẢO	06/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550500	VŨ THANH THẢO	25/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550501	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	06/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550502	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	10/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
23	550503	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	03/11/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550504	PHẠM THỊ THANH THẢO	16/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550505	ĐOÀN QUANG THẮNG	12/07/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
2	550506	PHẠM THỊ THÊU	25/02/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550507	PHẠM THỊ HỒNG THÊU	12/05/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
4	550508	ĐẶNG VĂN THỂ	29/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550509	NGÔ QUỐC THIÊN	02/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
6	550510	NGUYỄN MẠNH THIÊN	16/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550511	ĐOÀN ĐỨC THIÊN	28/01/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550512	NGUYỄN QUANG THIỆN	16/12/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
9	550513	VŨ ĐỨC THỊNH	13/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550514	VŨ ĐỨC THỊNH	23/02/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550515	NGUYỄN THỊ THU	18/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550516	PHẠM THỊ HOÀI THU	30/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550517	ĐỖ MINH THUẬN	29/05/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
14	550518	VŨ QUANG THUẬN	16/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
15	550519	PHẠM DIỆU THUY	08/07/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
16	550520	PHẠM THỊ THU THUY	18/03/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
17	550521	PHẠM THỊ THU THUY	08/11/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550522	PHAN THỊ PHƯƠNG THUY	26/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550523	LƯƠNG PHƯƠNG THÙY	24/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550524	NGUYỄN THỊ THỦY	19/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550525	ĐINH THỊ BÍCH THỦY	06/11/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
22	550526	ĐỖ MINH THƯ	08/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550527	MAI ANH THƯ	02/09/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
24	550528	NGÔ ANH THƯ	05/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550529	NGUYỄN THỊ THU'	15/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550530	PHAN MINH THU'	26/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550531	TRỊNH ANH THU'	11/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
4	550532	TRỊNH ANH THU'	13/08/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
5	550533	TRỊNH MINH THU'	06/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550534	TRỊNH THANH THU'	23/01/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
7	550535	LƯƠNG THỊ ANH THU'	20/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550536	VŨ THỊ ANH THU'	03/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550537	BÙI THỊ ÁNH THU'	25/10/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
10	550538	VŨ DIỆU THƯƠNG	10/09/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550539	NGUYỄN TRẦN BẢO THY	10/04/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
12	550540	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	21/02/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
13	550541	NGUYỄN VĂN TIẾN	07/09/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
14	550542	NGUYỄN VIỆT TIẾN	06/11/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
15	550543	PHẠM THẾ TIẾN	21/12/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550544	TRỊNH NGỌC TIẾN	14/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
17	550545	MAI QUANG TIỆP	27/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
18	550546	NGUYỄN MINH TIỆP	26/09/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550547	ĐẶNG KHÁNH TOÀN	17/10/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
20	550548	NGUYỄN DUY TOÀN	16/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550549	NGUYỄN XUÂN TOÀN	22/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
22	550550	BÙI PHƯƠNG TRANG	26/10/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550551	ĐẶNG HUYỀN TRANG	24/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550552	LÃ HUYỀN TRANG	24/10/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550553	LƯƠNG MAI TRANG	13/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
2	550554	NGUYỄN HOÀNG TRANG	19/09/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
3	550555	PHẠM HƯƠNG TRANG	14/12/2008	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
4	550556	PHẠM THU TRANG	02/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550557	PHẠM THÙY TRANG	08/11/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550558	VŨ HÀ TRANG	15/02/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
7	550559	VŨ MINH TRANG	12/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550560	NGÔ THỊ QUỲNH TRANG	11/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
9	550561	BÙI THỊ THU TRANG	19/03/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
10	550562	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	02/06/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
11	550563	ĐINH THỊ YẾN TRANG	24/12/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
12	550564	ĐINH QUANG TRÁNG	16/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
13	550565	TRẦN LÊ HUYỀN TRÂM	27/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550566	NGUYỄN PHÚ TRIỆU	21/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
15	550567	LÊ HUỶNH TRINH	20/09/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
16	550568	VŨ THỊ KIỀU TRINH	08/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550569	BÙI MINH TRÍ	17/11/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550570	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	08/01/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550571	PHẠM QUỐC TRỌNG	11/07/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
20	550572	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	22/10/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
21	550573	NGUYỄN THÀNH TRUNG	22/04/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
22	550574	PHẠM QUANG TRUNG	25/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
23	550575	TRẦN QUỐC TRUNG	08/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
24	550576	TRỊNH NGỌC TRUNG	07/08/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550577	NGUYỄN THANH TRÚC	13/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550578	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	15/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550579	TỔNG VIỆT TRƯỜNG	15/11/2008	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550580	PHAN VĂN TRƯỜNG	14/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550581	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	09/04/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550582	BÙI ĐỖ MẠNH TUẤN	26/10/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
7	550583	PHẠM ANH TUẤN	13/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
8	550584	PHẠM MINH TUẤN	16/01/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550585	TRẦN NGỌC TUẤN	07/05/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550586	LƯƠNG TRUNG TUYẾN	20/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550587	HOÀNG THỊ TUYẾT	06/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550588	NGUYỄN MAI TUYẾT	28/01/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
13	550589	PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	21/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550590	ĐINH THỂ TUYẾN	10/08/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
15	550591	ĐỖ TRUNG TUYẾN	13/04/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550592	ĐÀO THANH TÚ	23/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550593	LƯƠNG ĐĂNG TÚ	22/04/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
18	550594	ĐỖ THỊ CẨM TÚ	12/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550595	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	27/06/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550596	LÃ THANH TÙNG	26/09/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550597	NGUYỄN MINH TÙNG	04/08/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550598	NGUYỄN THANH TÙNG	01/03/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
23	550599	NGUYỄN THANH TÙNG	12/08/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
24	550600	ĐỖ THỊ UYÊN	26/06/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550601	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	02/09/2008	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
2	550602	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	01/03/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550603	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	02/09/2008	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
4	550604	MAI THẢO VÂN	10/01/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
5	550605	NGUYỄN THANH VÂN	07/06/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
6	550606	NGUYỄN THUYẾT VÂN	10/03/2008	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
7	550607	PHẠM THANH VÂN	31/01/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
8	550608	PHẠM ANH VÂN	12/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550609	TRỊNH ANH VÂN	17/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
10	550610	ĐINH HOÀNG VIỆT	12/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550611	ĐINH VĂN VIỆT	18/05/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
12	550612	MAI QUANG VIỆT	04/04/2008	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
13	550613	PHẠM ĐỨC VIỆT	13/12/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
14	550614	PHẠM QUỐC VIỆT	16/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550615	PHẠM THẾ VIỆT	05/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550616	VŨ ĐỨC VIỆT	11/06/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
17	550617	PHẠM HOÀNG ANH VIỆT	07/04/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550618	MAI QUANG VINH	06/01/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550619	NGUYỄN QUANG VINH	03/04/2006	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
20	550620	NGUYỄN THÀNH VINH	12/12/2008	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550621	VŨ VĂN VĨNH	05/03/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550622	NGUYỄN ANH VŨ	19/11/2008	Trường THCS Dương Nội	Tiếng Anh	
23	550623	PHAN TUẤN VŨ	01/01/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550624	PHẠM THÀNH VŨ	13/09/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 27

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 550625

HĐ thi THPT XUÂN TRƯỜNG

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 550640

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550625	PHAN THẾ VƯỢNG	11/02/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550626	BÙI TƯỜNG VY	23/02/2008	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
3	550627	MAI YẾN VY	18/11/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
4	550628	NGUYỄN HẢI VY	10/07/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550629	NGUYỄN KHÁNH VY	22/05/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
6	550630	TRỊNH YẾN VY	20/11/2008	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
7	550631	PHẠM ĐỖ HÀ VY	29/09/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550632	PHẠM THỊ THẢO VY	09/08/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550633	TỔNG THÀNH VỸ	12/02/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
10	550634	VŨ DIỆU XUÂN	12/10/2008	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
11	550635	VŨ THỊ THANH XUÂN	05/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
12	550636	ĐINH HẢI YẾN	27/09/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
13	550637	LÊ THỊ YẾN	22/03/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550638	NGÔ HẢI YẾN	14/04/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
15	550639	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	13/02/2008	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550640	VŨ THỊ HẢI YẾN	09/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 16

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0